TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-3-2023.
V/v: Ly hôn giữa chị B và anh L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Định.

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị B, sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT: Xóm T, Đ, xã Đ2, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký tạm trú: Số 88, đường T1, TDP T1, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Ấp 4, xã B1, huyện L3, tỉnh Đ3.

2. Bị đơn: Anh Ngô Tiến L, sinh năm 1989.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Xóm T, Đ, xã Đ2, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị B, anh L vắng mặt, nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn chị Vũ Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Tiến L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ2 vào ngày 30-5-2017. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng anh chị chủ yếu sinh sống ở thành phố Hà Nội, vợ chồng sinh sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 2 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do: Anh L chơi bời cờ bạc, lô đề dẫn đến nợ nần tiền bạc của người khác và nguyên nhân khác là anh L hết lần này đến lần khác lừa lọc, lợi dụng tình thân để vay tiền người thân của chị và đến nay cũng không có động thái trả nợ. Chị đã nhiều lần phải trả nợ thay cho anh L cũng như nhiều lần tha thứ nhưng anh L vẫn không thay đổi bản thân. Chính vì vậy đã dẫn đến việc vợ chồng xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không được hạnh phúc và mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 10 năm 2021, chị và hai con đã phải đi thuê nhà chỗ khác để ở và vợ chồng chị sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm kể từ đó đến nay.

Chị B xác định chị không còn tình cảm tình nghĩa vợ chồng gì với anh L, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài hơn được nữa. Vì vậy, chị B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Ngô Mai L1, sinh ngày 05-01-2018 và cháu Ngô Mai V1, sinh ngày 08-4-2019. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng với chị kể từ khi vợ chồng chị sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì lý do các điều kiện nuôi con của chị tốt hơn rất nhiều so với anh L, mặ khác hai cháu còn quá nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của mẹ cũng như 2 con cần được lớn lên cùng với nhau.

Hiện nay chị đang bán hàng online và buôn bán kinh doanh hàng bánh mì tại Ấp 4, xã B1, huyện L3, tỉnh Đ3 với mức thu nhập bình quân khoảng 20.000.000đ đến 22.000.000đ, vì vậy nếu trực tiếp nuôi con thì chị sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con được tốt nhất.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Vì lý do công việc không có nhiều thời gian và hiện nay chị đang ở tỉnh Đ3, nên không thể đến Tòa án làm việc. Vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải và phiên tòa.

** Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn là anh Ngô Tiến L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu anh và chị Vũ Thị B đã tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ2 vào ngày 30-5-2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thành phố Hà Nội khoảng 4 năm;

thì anh và chị B chuyển về tổ dân phố Trần Huy Liệu, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau đến khoảng cuối năm 2020 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu là do tính cách không hợp và luôn bất đồng quan điểm; vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi, chửi nhau. Anh vướng vào một số vấn đề nợ nần tiền bạc, nên vợ chồng anh thường hay chửi nhau. Anh chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Nay mâu thuẫn của vợ chồng anh đã kéo dài và đã rất trầm trọng; mặt khác đời sống chung của vợ chồng cũng không còn tồn tại, anh và chị B không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với nhau nữa. Nên mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài thêm được nữa. Vì vậy, chị B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết và xin được ly hôn với anh, anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Ngô Mai L1, sinh ngày 05-01-2018 và cháu Ngô Mai V1, sinh ngày 08-4-2019. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với chị B. Tại bản tự khai ngày 14-02-2023 anh có nguyện vọng và yêu cầu Tòa án xem xét cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh; vì anh đang làm nhân viên kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV và môi trường C&I tại thôn Đ, xã Đ2 với thu nhập bình quân khoảng 7.500.000đ/tháng và anh nhận thấy anh đủ sức khỏe, đủ điều kiện để được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhưng đến bản tự khai ngày 02-3-2023 thì anh trình bày do công việc của anh rất bận rộn, phải đi làm từ sáng sớm đến tối muộn và có khi còn phải đi công tác dài ngày, anh lại là đàn ông nên khó có thể chăm sóc các cháu chu toàn như mẹ. Vì vậy, anh xin thay đổi nguyện vọng như sau: anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết giao 02 con chung là cháu L1 và cháu V1 cho chi Bích trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu thành niên, có khả năng lao động tự lập được. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Ngoài ra, anh có quyền thăm nom con và gặp con mà chị B không có quyền ngăn cản anh, chị B phải tạo điều kiện cho bố con anh được liên lạc, hỏi thăm và gặp nhau.

- Về tài sản, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị B không có, nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147

của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị B, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị B và anh Ngô Tiến L.

+ Về con chung: Giao cháu Ngô Mai L1, sinh ngày 05-01-2018 và cháu Ngô Mai V1, sinh ngày 08-4-2019 cho chị Vũ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

+ Về tài sản, công nợ chung và các nội dung khác: Các đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị B và anh Ngô Tiến L có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã Đ2, huyện V, tỉnh Nam Định và hiện nay anh L đang cư trú tại địa bàn huyện V. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa chị Vũ Thị B và anh Ngô Tiến L là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng; nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị Vũ Thị B và anh Ngô Tiến L đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị B và anh L đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu là do tính cách không hợp và luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi, chửi nhau. Anh chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị đã thực sự không còn quan tâm đến nhau; từ lâu anh chị đã không thực hiện nghĩa vụ vợ, chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc gia đình. Chị B và anh L cùng xác định vợ, chồng không còn khả năng đoàn tụ và không còn tình cảm gì với nhau. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của chị Vũ Thị B và anh Ngô Tiến L đã không đảm bảo với quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật

hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị B, xử ly hôn giữa chị Vũ Thị B và anh Ngô Tiến L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị B và anh Ngô Tiến L có 02 con chung là cháu Ngô Mai L1, sinh ngày 05-01-2018 và cháu Ngô Mai V1, sinh ngày 08-4-2019. Hiện nay các cháu đang sống cùng với chị Vũ Thị B.

Xét thấy anh Ngô Tiến L đề nghị Tòa án giao cả 2 con chung cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bản thân chị B cũng tha thiết muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và các cháu vẫn đang sống cùng với chị B tại Ấp 4, xã B1, huyện L3, tỉnh Đ3. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu L1 và cháu V1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo đầy đủ các điều kiện tốt nhất cho các cháu được học tập, sinh hoạt và phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không đề nghị; nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Chị Vũ Thị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị B và anh Ngô Tiến L.

2. Con chung:

Giao cháu Ngô Mai L1, sinh ngày 05-01-2018 và cháu Ngô Mai V1, sinh ngày 08-4-2019 cho chị Vũ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L1 và cháu V1 thành niên, có khả năng lao động, tự lập được (Hiện nay cháu Ngô Mai L1 và cháu Ngô Mai V1 đang ở cùng chị Vũ Thị B).

Anh Ngô Tiến L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị B.

Anh Ngô Tiến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001550 ngày 08 tháng 11

năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ (Chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Vũ Thị B và anh Ngô Tiến L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Đ2;
- Lưu Vp, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Trường Nam